# ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 CỤM CÔNG NGHIỆP VĂN PHONG, HUYỆN NHO QUAN

## BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

| STT | Hạng mục | Ký hiệu | Diện tích (ha) | Tỷ Lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| | **DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH** | | **50,00** | **100,00** |
| 1 | Đất công nghiệp đã có | CN1-CN2 | 9,82 | 19,64 |
| 2 | Đất công nghiệp *(Chưa bao gồm 10% đất cây xanh trong các lô đất công nghiệp)* | CN3-CN9 | *27,69* | *55,38* |
| 3 | Đất nhà điều hành | DH | *0,59* | 1,18 |
| 4 | Đất dịch vụ công nghiệp | DVCN | 0,42 | 0,84 |
| 5 | Đất cây xanh *(Gồm cây xanh cách ly và 10% đất cây xanh trong các lô đất công nghiệp)* | CX | 6,00 | *12,00* |
| 6 | Đất hạ tầng kỹ thuật | | | |
| *6.1* | *Trạm cấp nước sạch* | *NS* | 0,70 | *1,40* |
| *6.2* | *Khu xử lý nước thải* | *NT* | 0,39 | *0,78* |
| *6.3* | *Trạm trung chuyển rác thải* | *RT* | 0,24 | 0,48 |
| 7 | Đất giao thông nội bộ cụm công nghiệp | | 4,15 | 8,30 |